

Bản án số: 907/2024/DS-ST

Ngày: 22/5/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phú

2. Bà Hồ Thị Lang

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Thu Hà là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên

Ngày 22/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 0428/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/07/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2024/QĐST-DS ngày 24/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Địa chỉ: Lầu H, 2 N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Minh T (Theo Giấy ủy quyền số 987/2023/UQ-TGD ngày 13/4/2023).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương T1; cư trú tại: A B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1]. Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2021, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, đại diện nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng trình bày: Ngày 18/04/2018, bà T1 có ký với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào chính sách cấp thẻ và thu nhập của Bà T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa

Credit số thẻ 436438-9653 với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn), với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.391.801.701 đồng (Bằng chữ: Một tỷ ba trăm chín mươi một triệu tám trăm lẻ một đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.325.387.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà T1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 15/01/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 22/5/2024, bà T1 còn nợ các khoản sau: dư nợ gốc là 111.245.571 đồng, lãi quá hạn là 163.597.313 đồng, tổng cộng là 274.842.884 đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền dư nợ gốc với lãi suất quá hạn là 3.6%/tháng (lãi trong hạn 2.4%/tháng x 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà T1 có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Phương T1 phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/5/2024 là 274.842.884 đồng (Bằng chữ. Hai trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn tám trăm tám mươi bốn đồng) trong đó nợ gốc là 111.245.571 đồng, lãi quá hạn là 163.597.313 đồng. Bà Nguyễn Thị Phương T1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng

[2]. Bị đơn là Bà Nguyễn Thị Phương T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa án, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[3]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, ngoại trừ việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng cụ thể xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thực hiện đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181, Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện các quyền và

nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Phương T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán ngay tổng số tiền nợ tính đến ngày 22/5/2024 là 274.842.884 đồng (Bằng chữ. Hai trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn tám trăm tám mươi bốn đồng) trong đó nợ gốc là 111.245.571 đồng, lãi quá hạn là 163.597.313 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 15/4/2018, bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, các bảng tóm tắt sao kê có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định nguyên đơn có cấp cho bị đơn thẻ tín dụng Visa Credit, số thẻ 436438-9653 với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn), mục đích tiêu dùng cá nhân. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 15/4/2018 đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định tại Điều 117, Điều 401 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, các bên tham gia hợp đồng phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết.

Căn cứ bảng tóm tắt sao kê, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.391.801.701, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 1.325.897.000 đồng. Việc bị đơn không thanh toán số nợ thẻ còn lại cho nguyên đơn là vi phạm Điều 2 bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 16/01/2021, nguyên đơn chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn là đúng với thỏa thuận của các bên tại Điều 23 bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Tính đến ngày 22/5/2024, bị đơn còn nợ Ngân hàng các khoản sau: nợ gốc 111.245.571 đồng, lãi quá hạn là 163.597.313 đồng.

Căn cứ Điều 466 bộ luật dân sự 2015; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn phải trả nguyên đơn tổng số tiền nợ tính đến ngày 22/5/2024 là 274.842.884 đồng (Bằng chữ. Hai trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn tám trăm tám mươi bốn đồng) trong đó nợ gốc là 111.245.571 đồng, lãi quá hạn là 163.597.313 đồng, trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 23/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/4/2018.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.742.144 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
Căn cứ vào Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S.

Buộc bà Nguyễn Thị Phương T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ tính đến ngày 22/5/2024 là 274.842.884 đồng (Bằng chữ. Hai trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn tám trăm tám mươi bốn đồng) trong đó nợ gốc là 111.245.571 đồng, lãi quá hạn là 163.597.313 đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 23/5/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Phương T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 15/4/2018.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương T1 phải chịu là 13.742.144 đồng.

H cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 2.918.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0089421 ngày 23/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP S và bà Nguyễn Thị Phương T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vương Thị Lan Phương